

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 12/2023/QĐST-VDS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dầu Tiếng, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người
phải thi hành án trong khối tài sản chung**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoàng

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Khuyển - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên họp:*** Bà Đinh Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST-VDS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2023/QĐST-VDS ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2023/QĐST-VDS ngày 20 tháng 6 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ông Nguyễn Tuấn H – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Dương Quốc T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ông H có mặt; bà T, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- ***Theo đơn yêu cầu và quá trình tham gia tố tụng, người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:***

Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thụ lý, thi hành Quyết định số 02/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Quyết định thi hành án số 1616/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương. Người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Các khoản phải thi hành: Thanh toán tiền cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 3.337.000.000 đồng (*Ba tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu đồng*) và lãi suất chậm thi hành án.

Quá trình giải quyết thi hành án Chấp hành viên đã tổng đạt quyết định thi hành án và thông báo thời gian tự nguyện thi hành án nhưng bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng cam kết và không tự nguyện thi hành án.

Qua xác minh điều kiện thi hành án được biết bà Nguyễn Thị T đứng tên Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK796408, số vào sổ cấp GCN: CS02194 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho bà Đỗ Thị H (Ngày 19 tháng 12 năm 2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất) và tài sản gắn liền trên đất là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với ông Dương Quốc T, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T với ông Dương Quốc T, sinh năm 1977, cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương làm căn cứ để xử lý tài sản của người pH thi hành án nhằm đảm bảo việc thi hành án đối với tài sản là:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK796408, số vào sổ cấp GCN: CS02194 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho bà Đỗ Thị H (Ngày 19 tháng 12 năm 2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất) và tài sản gắn liền trên đất gồm:

01 căn nhà cấp 4, 01 mái tôn, 01 cổng chính trụ xi măng, cửa sắt. 01 sân xi măng. Hàng rào lưới B40, trụ xi măng cao 1,5 m, 02 cây Mai, 02 cây Mít, 04 cây Dừa, 02 cây Măng cầu.

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Dương Quốc T, sinh năm 1977 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 29/3/2000 tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vào ngày 19/12/2017 bà T và ông T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02194 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/8/2017 cho bà Đỗ Thị H (ngày 19/12/2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất theo H đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất ký kết ngày 29/11/2017) và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà cấp 4; 01 mái tôn; 01 cổng chính trụ xi măng, cửa sắt; 01 sân xi măng; hàng rào lưới B40, trụ xi măng cao 1,5 m; 02 cây mai; 02 cây mít; 04 cây dừa; 02 cây măng cầu. Đây là tài sản chung của vợ chồng bà T, ông T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên bà T có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất. Hiện nay, bà T và ông T vẫn còn ở địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà T xác định, phần quyền sở hữu, sử dụng của bà T được xác định trong khối tài sản chung là $\frac{1}{2}$. Nay ông Nguyễn Tuấn H – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất để thi hành án thì bà T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc T:

Vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự là Chấp hành viên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành và thực hiện đúng thủ tục quy định. Riêng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, ông T không chấp hành quy định của pháp luật, vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, ông T đăng ký kết hôn ngày 29/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02194 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/8/2017 cho bà Đỗ Thị H, ngày 19/12/2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất theo H đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 29/11/2017. Như vậy quyền sử dụng đất trên và tài sản trên đất được cấp trong thời kỳ hôn nhân nên bà T và ông T có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 210, 213 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1616/QĐ-CCTHADS ngày 20/5/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương thể hiện tại Điều 2 của Quyết định phân công Chấp hành viên Lê

Thanh Việt tổ chức thi hành án để thi hành. Tuy nhiên trong quá trình thi hành án thì Chấp hành viên Nguyễn Tuấn H là người trực tiếp tổ chức thi hành án đối với quyết định trên căn cứ theo Quyết định số 1085/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2022 về việc phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo và các nghiệp vụ Chi cục Thi hành án dân sự huyện D năm 2023. Theo Quyết định này thì Chấp hành viên Nguyễn Tuấn H có trách nhiệm tổ chức thi hành án tại địa bàn xã Đ và các công tác khác do Chi cục trưởng phân công. Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1616/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D có tài sản tại địa bàn xã Đ nên việc Chấp hành viên Nguyễn Tuấn H tiến hành thi hành án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1616/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và nộp đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là phù hợp theo quy định tại Điều 23, Khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự.

[1.2] Tại phiên họp, người yêu cầu ông H có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có yêu cầu vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt không có lý do. Việc triệu tập đương sự, Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, việc vắng mặt của ông T không có lý do là cố tình nên vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 4 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tài sản theo đơn yêu cầu là tài sản bị kê biên để thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh hiện trạng tài sản; Chấp hành viên chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất đối với tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án chỉ xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung mà không phải phân chia nên Tòa án không tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tài chỗ tài sản bị kê biên để thi hành án.

[1.4] Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài là phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, 01 mái tôn, 01 cổng chính trụ xi măng, cửa sắt. 01 sân xi măng. Hàng rào lưới B40, trụ xi măng cao 1,5 m, 02 cây Mai, 02 cây Mít, 04 cây Dừa, 02 cây Mãng cầu là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T là người phải thi hành án theo Quyết định số 02/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1616/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, theo đó bà T có nghĩa vụ phải thi hành án cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 3.337.000.000

đồng (*Ba tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu đồng*) và lãi suất chậm thi hành án. Theo biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 01/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và Công văn số 576/CNVPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 09/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thì bà T có điều kiện nhưng không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 78/QĐ-CCTHADS ngày 09/9/2021 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK796408, số vào sổ cấp GCN: CS02194 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho bà Đỗ Thị H (Ngày 19 tháng 12 năm 2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất) và tài sản gắn liền trên đất.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do Chấp hành viên cung cấp, Tòa án thu thập thì có căn cứ xác định: Bà T, ông T đăng ký kết hôn ngày 29/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02194 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/8/2017 cho bà Đỗ Thị H, ngày 19/12/2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất theo H đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 29/11/2017 và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, 01 mái tôn, 01 cổng chính trụ xi măng, cửa sắt. 01 sân xi măng. Hàng rào lưới B40, trụ xi măng cao 1,5 m, 02 cây Mai, 02 cây Mít, 04 cây Dừa, 02 cây Măng cầu. Như vậy, quyền sở hữu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo quyết định kê biên trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Dương Quốc T theo quy định tại Điều 29, 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nguyên tắc giải quyết tài sản chung của vợ chồng thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia bằng giá trị. Tuy nhiên, Chấp hành viên chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bà T mà không phải phân chia nên xác định bà T có 1/2 quyền sở hữu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 366; Điều 367, Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 29, 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 74, Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Nguyễn Tuấn H - Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

Xác định phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK796408, số vào sổ cấp GCN: CS02194 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho bà Đỗ Thị H và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, 01 mái tôn, 01 cổng chính trụ xi măng, cửa sắt. 01 sân xi măng. Hàng rào lưới B40, trụ xi măng cao 1,5 m, 02 cây Mai, 02 cây Mít, 04 cây Dừa, 02 cây Măng cầu (Ngày 19 tháng 12 năm 2017 biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T) là tài sản thuộc sở hữu chung của bà Nguyễn Thị T và ông Dương Quốc T. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T được xác định bằng 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

3.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

3.3. Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hoàng

